

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ Đ
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2018/HSST
Ngày : 08/3/2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ Đ, TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

+ *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa* : Ông HOÀNG TRÌNH

+ *Các Hội thẩm nhân dân*:

1/. Ông TỪ HỒNG HẢI

2/. Ông MAI PHÚ

- Thư ký phiên tòa: Ông NGUYỄN VĂN ĐỒNG - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đ

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ, Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Ông NGUYỄN VĂN KIỀN - Kiểm sát viên

Hôm nay, ngày 08 tháng 3 năm 2018. tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đà L, Lâm Đồng, xét xử sơ thẩm, công khai vụ án hình sự thụ lý 25/2018/HSST ngày 09 tháng 02 năm 2018; Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/QĐ-HSST ngày 23 tháng 02 năm 2018 đối với bị cáo:

Họ và tên: **NGUYỄN HỮU S.** Sinh ngày 26 tháng 12 năm 1977. Nơi sinh: Ninh Thuận. Nơi ĐKNKTT: Thôn A, xã A, huyện N, Ninh Thuận. Chỗ ở: 18B - T, Phường 8, thành phố Đ, Lâm Đồng (Nhà trọ). Nghề nghiệp: Thợ hồ. Trình độ học vấn: Lớp 4/12. Con ông: Nguyễn Văn H (chết); Con bà: Trần Thị S, sinh năm 1952. Hiện ở tại: Thôn A, xã A, huyện N, Ninh Thuận. Bị cáo chưa có vợ, con. Tiền án, tiền sự: Không. Nhân thân: Tại bản án số 40/2014/HSPT ngày 04/9/2014 của Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận xử phạt 12 tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 24 tháng về tội “Giao cho người không đủ điều kiện điều khiển phương tiện giao thông đường bộ”. Bị bắt, tạm giam ngày 07/11/2017. Hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố Đ, Lâm Đồng, có mặt.

Người bị hại:

1/. Chị Châu Thiên Diễm M, sinh năm 1998. Hộ khẩu thường trú tại: Thôn V, xã P, huyện T, Ninh Thuận. Có mặt.

2/. Anh Lê Văn K, sinh năm 1990. Hộ khẩu thường trú tại: 10/3 - K, xã H, huyện C, Đắk Lắk. Vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

Ông Nguyễn Hữu C, sinh năm 1949. Hộ khẩu thường trú tại: 67 - N, Phường 2, thành phố Đ, Lâm Đồng. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng tháng 6/2017, Nguyễn Hữu S từ Ninh Thuận đến thành phố Đ, Lâm Đồng làm thợ hồ và thuê nhà trọ tại số nhà 18B - T, Phường 8, thành phố Đ, Lâm Đồng để ở. Do không có phương tiện đi lại và không có tiền tiêu xài, trong 02 ngày 21 và 24/10/2017, S đã hai lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản trên địa bàn thành phố Đ, Lâm Đồng. Cụ thể như sau:

Lần thứ nhất: Khoảng 20 giờ ngày 21/10/2017, khi đi bộ ngang qua nhà trọ ở 21 - T, Phường 8, thành phố Đ S phát hiện thấy trong sân khu nhà trọ có để nhiều xe máy nhưng không có người trông coi, S đi đến một chiếc xe máy hiệu Daelim, dạng xe Yamaha Sirius màu vàng-đen, biển kiểm soát 81AP-000.60 của chị Châu Thiên Diễm M, thấy xe không khóa cổ nên S đã dắt chiếc xe này ra ngoài rồi đem về phòng trọ của S cất giấu. Đến chiều ngày 23/10/2017, S đem xe đến tiệm khóa L ở Ngã năm Đại học, nhờ anh Lý Thành Đ, thường trú tại: 51/2 - P, Phường 8, thành phố Đ, Lâm Đồng làm chìa khóa rồi nổ máy, điều khiển xe về phòng trọ cất giấu. Đến khoảng 14 giờ ngày 29/10/2017, S đến khu nhà trọ gần một quán ăn ở đường P, Phường 8, thành phố Đ, Lâm Đồng, dùng cờ lê tháo biển số 20L5-3283 của một người chưa xác định được danh tính, đem về phòng trọ cất giấu với mục đích sẽ gắn vào xe trên để sử dụng.

Tại Kết luận định giá ngày 08/11/2017, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố Đ xác định chiếc xe của chị Châu Thiên Diễm M bị mất, chất lượng còn lại 50%, trị giá là 5.000.000 đồng. Cơ quan điều tra đã thu giữ xe và trả lại cho chị Diễm M, hiện nay chị Diễm M không yêu cầu bồi thường gì thêm.

Lần thứ hai: Khoảng 20 giờ ngày 24/10/2017, Nguyễn Hữu S tiếp tục đến khu nhà trọ tại số 21 - T, Phường 8, thành phố Đ, Lâm Đồng trộm cắp một xe máy hiệu Honda Wave Alpha màu đỏ-đen, biển kiểm soát 47L1-005.23 của anh Lê Văn K, thấy xe không khóa cổ, S đã dắt chiếc xe này ra ngoài rồi đem về phòng trọ cất giấu. Đến 16 giờ ngày 27/10/2017, S đem xe đến tiệm khóa L ở Ngã năm Đại học, nhờ anh Lý Thành Đ làm chìa khóa rồi chạy xe về phòng trọ cất giấu. Sau đó S lấy biển số 81AP-000.60 của xe lấy trộm ở lần trước gắn vào xe này để đi lại. Chiều ngày 06/11/2017, S đang điều khiển chiếc xe này thì bị anh Lê Văn K phát hiện bắt giữ và giao cho Công an Phường 8, thành phố Đà Lạt làm việc.

Tại Kết luận định giá ngày 08/11/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố Đ kết luận: Chiếc xe của anh Lê Văn K bị mất chất lượng còn lại 50%, trị giá 8.500.000 đồng. Cơ quan điều tra đã thu giữ xe và trả lại cho anh K, hiện nay anh Lê Văn K không yêu cầu bồi thường gì thêm.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo và người bị hại không có ý kiến hay khiếu nại gì về các kết luận của Hội đồng định giá nêu trên.

Ngoài ra, vào khoảng 14 giờ ngày 24/10/2017, S còn đến Bãi giữ xe của Siêu thị Big C Đà Lạt, dùng cờ lê 10 tháo và lấy trộm 01 biển số xe của xe số 49V2-0037 của ông Nguyễn Hữu C, sinh năm 1949, thường trú tại: 67 - N, Phường 2, thành phố Đ, Lâm Đồng đem về phòng trọ cất giấu. Quá trình điều tra ông C đã làm lại biển số khác nên từ chối không nhận lại biển số xe trên và không có yêu cầu bồi thường gì.

Tại Cáo trạng số 28/CT-VKS ngày 08/02/2018, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ truy tố Nguyễn Hữu S về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999.

Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Hữu S khai nhận vào tháng 10/2017 bị cáo đã có hành vi 02 lần lợi dụng người bị hại để xe ngoài sân nhưng không khóa cổ, lén lút chiếm đoạt tài sản của 02 người với tổng giá trị tài sản 13.500.000 đồng và 02 lần tháo trộm biển số xe của 02 người khác đem về sử dụng cho nhu cầu của cá nhân với các hành vi cụ thể như Cáo trạng của Viện kiểm sát đã nêu là đúng, bị cáo không thắc mắc hay khiếu nại gì về nội dung bản Cáo trạng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Lạt, Lâm Đồng giữ quyền công tố luận tội và tranh luận như sau: Tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Hữu S đã khai nhận hành vi phạm tội phù hợp với lời khai trong quá trình điều tra, lời khai của người bị hại, không có nội dung gì thay đổi. Do đó Đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên nội dung Cáo trạng đã truy tố đối với bị cáo và đề nghị áp dụng khoản 1 điều 138; điểm p khoản 1, khoản 2 điều 46 và điểm g khoản 1 điều 48 Bộ luật hình sự năm 1999. Xử phạt bị cáo Nguyễn Hữu Sơn từ 15 đến 18 tháng tù. Phần bồi thường: Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã thu hồi tài sản và trả lại cho người bị hại. Hiện nay những người bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án đều không có yêu cầu bồi thường gì thêm nên không xem xét. Về vật chứng của vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định của pháp luật. Bị cáo không có tranh luận gì với Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố và chỉ xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

Về hành vi, quyết định tố tụng: Quá trình điều tra, truy tố, Cơ quan điều tra Công an thành phố Đ, Lâm Đồng và Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ, Lâm Đồng và Kiểm sát viên đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại nào về hành vi, quyết định của các Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã được tiến hành hợp pháp.

Về hành vi phạm tội của bị cáo Nguyễn Hữu S: Bị cáo là người đã trưởng thành, có đầy đủ nhận thức, bị cáo biết rất rõ việc lợi dụng người bị hại để tài sản ngoài sân nhà trọ nhưng không khóa xe cẩn thận, không có người trông coi, đã lén lút chiếm đoạt để đem về sử dụng cho nhu cầu của cá nhân là hành vi trái pháp luật, bị pháp luật nghiêm cấm nhưng bị cáo vẫn cố ý thực hiện. hành vi của bị cáo nhiều lần chiếm đoạt tài sản với trị giá tổng cộng 13.500.000 đồng, là tài sản có giá trị. Hành vi của bị cáo là hành vi nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trái pháp luật đến quyền sở hữu tài sản của người khác và gây mất trật tự an toàn xã hội ở địa phương. Căn cứ lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra, phù hợp với lời khai của những người bị hại và phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác đã được thu thập trong quá trình điều tra vụ án. Có đủ căn cứ kết luận bị cáo Nguyễn Hữu S đã phạm tội “Trộm cắp tài sản”. Hành vi của bị cáo thực hiện trước ngày Bộ luật hình sự năm 2015 có hiệu lực thi hành, căn cứ khoản 1 điều 7 Bộ luật hình sự năm 2015 lẽ ra phải áp dụng điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999 đối với bị cáo nhưng do Bộ luật hình sự năm 2015 qui định mức hình phạt ở khung cao nhất của điều 173 chỉ 20 năm tù, trong khi điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999 qui định mức hình phạt ở khung cao nhất đến Tù chung thân nên căn cứ khoản 3 điều 7 Bộ luật hình sự năm 2015, điều luật áp dụng để xét xử bị cáo cần áp dụng qui định tại điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Không áp dụng theo điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999 như kết luận của Kiểm sát viên

Về tình tiết định khung hình phạt: Xét hành vi của bị cáo không vi phạm vào các tình tiết định khung tăng nặng nào tại điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999 cũng như điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 nên bị cáo chỉ bị xét xử theo khoản 1 điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015.

Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hình phạt đối với bị cáo: Bị cáo đã từng bị xử phạt tù, cho hưởng án treo nhưng đến ngày phạm tội mới bị cáo đã được đương nhiên được xóa án tích nên không thuộc trường hợp tái phạm, tuy nhiên bị cáo thực hiện hành vi phạm tội nhiều lần nên đây là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự và hình phạt theo qui định tại điểm g khoản 1 điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015. Sau khi bị bắt, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hình phạt qui định tại điểm s khoản 1 điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015.

Về trách nhiệm dân sự: Các tài sản bị chiếm đoạt gồm 02 xe mô tô, Cơ quan điều tra đã thu giữ và trả lại cho người bị hại. Hiện nay những người bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không ai có yêu cầu bồi thường gì nên không xem xét để giải quyết phần trách nhiệm dân sự đối với bị cáo trong bản án này.

Về xử lý vật chứng: Các loại vật chứng đã thu giữ trong quá trình điều tra vụ án gồm có: 02 xe mô tô Cơ quan điều tra đã quyết định xử lý bằng hình thức trả lại cho chủ sở hữu nên không xem xét để xử lý tiếp. Một biển số xe mô tô số 49V2-0037 của ông Nguyễn Hữu C, quá trình điều tra ông C đã làm lại biển số khác nên

từ chối không nhận lại và 01 cờ lê 10 là phương tiện bị cáo dùng tháo trộm biển số xe, xét các tài sản trên có giá trị sử dụng không đáng kể, cần tịch thu để tiêu hủy. Riêng 01 Chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Hữu S, 01 điện thoại di động hiệu Maxx màu xanh, 01 đồng hồ đeo tay hiệu Rado màu vàng (đã qua sử dụng) và 320.000 đồng là giấy tờ tùy thân và tài sản riêng của bị cáo, không liên quan đến việc phạm tội, cần trả lại cho bị cáo.

Về án phí: Buộc bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo qui định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] . Tuyên bố bị cáo Nguyễn Hữu S phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

[2] . Áp dụng khoản 3 điều 7; khoản 1 điều 173; điểm s khoản 1 điều 51 và điểm g khoản 1 điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo Nguyễn Hữu S 15 (Mười lăm) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 07/11/2017.

[3] . Áp dụng điều 47 Bộ luật hình sự và điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015:

+ Tịch thu để tiêu hủy: 01 cờ lê số 10 và 01 biển số xe mô tô số 49V2-0037;
+ Trả lại cho bị cáo: 01 điện thoại di động hiệu Maxx màu xanh; 01 đồng hồ đeo tay hiệu Rado màu vàng (đã qua sử dụng); 01 Chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Hữu S và 320.000 (Ba trăm hai mươi ngàn) đồng.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 08/02/2018 giữa Công an thành phố Đ và Chi cục thi hành án dân sự thành phố Đ).

[4] . Áp dụng khoản 2 điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án, buộc bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

[5]. Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo, người bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm. Những người vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Nơi nhận:

- Tòa án ND tỉnh Lâm Đồng;
- Sở tư pháp tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND thành phố Đ;
- Công an thành phố Đ;
- Thi hành án thành phố Đ;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng;
- Bộ phận theo dõi THA phạt tù;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Hoàng Trình